TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 333/2023/DS-PT
Ngày: 13-6-2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

Ông Nguyễn Thanh Triều

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Quang- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 582/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Thành D, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số B, Khu phố B, Phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Huỳnh Hữu T, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: Số A Ông H, Khu phố B, Phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền tại Văn phòng C tỉnh Tiền Giang ngày 07/12/2022, số công chứng 4050 quyển số 06/2022TP/CC-SCC/HĐGD).

- *Bị đơn:*

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1956;

- Bà Mai Thị N, sinh năm 1956;

- Chị Nguyễn Thị Diệu L, sinh năm 1986;

- Chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1981;

Người đại diện theo ủy quyền của ông M, bà N, chị L và chị V: Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1977 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền lập tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang ngày 27 tháng 12 năm 2022, số chứng thực 352 quyển số 01/2022-SCT-HĐGD).

- Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Các bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị N, chị Nguyễn Thị Diệu L, chị Nguyễn Thị Hồng V, anh Nguyễn Văn N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn ông Võ Thành D và đại diện theo ủy quyền là anh Huỳnh Hữu T thống nhất trình bày:*

Do quan hệ quen biết, tin tưởng lẫn nhau, nên ngày 27/01/2018, ông Võ Thành D có cho gia đình của ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị N vay số tiền là 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,6%/tháng, thực hiện việc trả tiền lãi vào ngày 27 hàng tháng. Thời hạn vay là 02 năm tính từ ngày 29/01/2018.

Trong ngày 27/01/2018, ông D tiến hành giao tiền cho anh Nguyễn Văn N1 là con của ông M, bà N. Khi giao tiền thì ông D và anh N1 có ký kết với nhau một Biên nhận nhận tiền.

Đến ngày 29/01/2018, để tạo sự chắc chắn ông D có đề nghị ký kết hợp đồng vay và được gia đình ông M, bà N đồng ý. Vì vậy, trong cùng ngày các bên đã đến Văn phòng C1 để cùng ký kết hợp đồng vay tiền. Thời điểm ký kết hợp đồng thì có mặt ông M, bà N, anh N1, chị L và chị V và tất cả những người này đều ký tên vào hợp đồng vay.

Trong quá trình vay, gia đình ông M, bà N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng tiền lãi cho ông D. Khi hết thời hạn vay, ông D đã nhiều lần yêu cầu gia đình ông M, bà N trả lại tiền nhưng chỉ hứa hẹn và trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông.

Do đó ông D yêu cầu Tòa án: Buộc ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị N, anh Nguyễn Văn N1, chị Nguyễn Thị Diệu L và chị Nguyễn Thị Hồng V phải liên đới trả cho ông số tiền nợ vay là 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày

29/01/2020 cho đến khi xét xử vụ án, với mức lãi suất áp dụng là 1,6%/tháng. Tiền lãi tạm tính từ ngày 29/01/2020 đến ngày 29/08/2022 là 31 tháng là 148.800.000 đồng.

Tại phiên tòa cấp sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần tiền lãi như sau: nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả số tiền lãi là 52.290.000 đồng (tiền lãi tính từ ngày 29/4/2021 đến ngày 29/01/2023 là 21 tháng, mức lãi suất áp dụng là 0,83%/tháng).

** Các bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị N, chị Nguyễn Thị Diệu L, chị Nguyễn Thị Hồng V có đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Văn N1, đồng thời anh N1 cũng là bị đơn thống nhất trình bày:*

Anh Nguyễn Văn N1 thừa nhận gia đình của anh có vay của ông Võ Thành D nhiều lần tiền, đến ngày 29/01/2022 thì tổng kết số tiền nợ lại thành số tiền là 300.000.000 đồng, thừa nhận có ký tên vào hợp đồng vay ngày 29/01/2018. Khi vay các bên không có thỏa thuận về thời gian trả nợ và có thỏa thuận trả tiền lãi như sau: 03 tháng đầu đóng tiền lãi là 10.500.000 đồng/tháng, còn các tháng sau thì là 9.000.000 đồng/tháng. Anh N1 thực hiện việc đóng tiền lãi đến khoảng tháng 4/2021 thì dịch bệnh Covid bùng phát, vì vậy gia đình anh gặp khó khăn nên ngưng không đóng tiếp tiền lãi.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành D thì anh N1 chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và xin được trả dần.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành D:

Buộc ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị N, chị Nguyễn Thị Diệu L, chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Nguyễn Văn N1 phải liên đới trả cho ông Võ Thành Duyên s tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và số tiền lãi là 52.290.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Võ Thành D cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị N, chị Nguyễn Thị Diệu L, chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Nguyễn Văn N1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 14/02/2023, các bị đơn Nguyễn Văn M, bà Mai Thị N, chị Nguyễn Thị Diệu L, chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Nguyễn Văn N1 kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu: sửa một phần án sơ thẩm cho các bị đơn được trả số tiền gốc làm nhiều lần, xin không phải trả lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Đại diện ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Gia đình ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị N thừa nhận còn nợ ông Võ Thành Duyên s tiền 300.000.000 đồng. Do hiện nay công việc làm ăn khó khăn không có khả năng trả một lần số tiền nợ nên xin trả dần số tiền vốn gốc làm nhiều lần và xin không trả lãi. Phía nguyên đơn không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn xin trả dần số tiền vốn gốc làm nhiều lần và xin không trả lãi không phù hợp pháp luật và không được phía nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị N, Nguyễn Thị Diệu L, Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Văn N1 thực hiện đúng qui định theo Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng qui định Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo qui định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 là đúng qui định.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định; Trong năm 2018 ông Võ Thành D có cho gia đình ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị N vay số tiền 300.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 1,6%/tháng, thời hạn vay 02 năm. Chứng cứ chứng minh của nguyên đơn là hợp đồng vay ngày 29/01/2018 có công chứng chứng thực; biên nhận ngày 27/01/2018 có chữ ký

của anh N1. Do đó, án sơ thẩm xác định giữa ông Võ Thành D và ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị N, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị Diệu L, Nguyễn Thị Hồng V xác lập hợp đồng vay tài sản, theo qui định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 là đúng qui định pháp luật.

Theo thỏa thuận thì sau khi vay thì gia đình ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ trả lãi hàng tháng cho ông D nhưng ông M, bà N không thực hiện việc trả vốn và lãi theo thỏa thuận, mặc dù phía ông D đã nhiều lần đòi. Do đó, ông M, bà N, anh N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với ông D nên Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông M, bà N trả số tiền vốn 300.000.000 đồng và tiền lãi là có căn cứ.

[3] Xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông M, bà N, anh N1, chị L, chị V, nhận thấy:

Quá trình xem xét đánh giá hợp đồng vay giữa ông Võ Thành D và ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị N thấy rằng:

Việc vay tiền giữa các bên được thực hiện từ năm 2018 tại thời điểm vay tiền các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và các bên tự nguyện giao kết hợp đồng. Ông M, bà N thừa nhận có nợ của ông Duyên số tiền 300.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 29/01/2018, nên có cơ sở xác định ông M, bà N còn nợ ông Duyên số tiền 300.000.000 đồng.

Xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông M, bà N xin trả dần số tiền vốn gốc và không trả lãi là không có cơ sở vì yêu cầu xin trả dần của ông M, bà N nhằm kéo dài thời gian trả nợ, chiếm dụng đồng vốn của ông D làm ảnh hưởng quyền lợi của ông D. Đồng thời, yêu cầu xin trả dần của ông M, bà N không được nguyên đơn đồng ý và không phù hợp pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M, bà N.

Từ những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của ông M, bà N là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị N là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo qui định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357; 463; 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn M, bà Mai Thị N, Nguyễn Thị Diệu L, Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Văn N1. Giữ y bản bản án sơ thẩm số 04/2023/DSST ngày 01/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Cai lậy.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành D:

Buộc ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị N, chị Nguyễn Thị Diệu L, chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Nguyễn Văn N1 phải liên đới trả cho ông Võ Thành Duyên s tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và số tiền lãi là 52.290.000 đồng. Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Võ Thành D cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị N, chị Nguyễn Thị Diệu L, chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Nguyễn Văn N1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị N được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Các đương sự chị Nguyễn Thị Diệu L, chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Nguyễn Văn N1 phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018375 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy.

Ông Nguyễn Văn M, bà Mai Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Diệu L, chị Nguyễn Thị Hồng V, anh Nguyễn Văn N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 17.614.500 đồng.

Ông Võ Thành D không phải chịu án phí sơ thẩm. H lại ông Võ Thành Duyên s tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.976.000 đồng theo biên lai thu số 0002662 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Bản án Dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TX C.
- CCTHADS thị xã C;
- Phòng KTNV & THA TAT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp Thúy